

TÒA ÁN QUẬN HẠT ĐÔNG PENNSYLVANIA - HOA KỲ

Ngày 29-10-2009

HIỆP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

Chống lại

NGUYỄN QUỐC NAM

JOSEPH T. LUKAS

NGUYỄN KIM ANH

NGUYỄN QUỐC AN

Tên khác: "Andrew Nguyen,"

"Ethan Roberts"

NEXUS TECHNOLOGIES, INC.

Vi phạm

Điều 18, khoản 371 (1 tội)

Điều 15, khoản 78dd-2(a) (9 tội)

Điều 18, khoản 1952(a)(3) (9 tội)

Điều 18, khoản 1956(a)(2)(A) (9 tội)

Điều 18, khoản 2 (giúp và tiếp tay)

BẢN CÁO TRẠNG THAY THẾ

TỘI THỨ NHẤT

(Âm mưu vi phạm Đạo luật Chống tham nhũng Nước ngoài
Đạo luật Đi lại, và rửa tiền)

ĐẠI BỒI THẨM ĐOÀN CÁO BUỘC RẰNG:

DIỄN BIẾN

1. Đạo luật Chống Tham nhũng Nước ngoài năm 1977 ("FCPA"), được sửa đổi, điều 15, khoản 78dd-1, et seq., Bộ luật Hoa Kỳ do Quốc hội ban hành với mục đích, ngoài những khoản khác, thì không hợp pháp đối với trường hợp các cá nhân hay tổ chức có hành động hối lộ để có được thêm lời đề nghị giúp đỡ, hứa hẹn, ủy quyền, hoặc thanh toán tiền hoặc bất cứ thứ gì có giá trị cho một quan chức của chính phủ nước ngoài với mục đích giành bất kỳ lợi thế sai trái, hoặc hỗ trợ để có được, hoặc giữ lại công việc kinh doanh, hoặc chỉ đạo việc làm ăn cho bất kỳ người nào.

2. Đạo Luật Đi lại, điều 18, mục 1952, Bộ luật Hoa Kỳ, đã được Quốc hội ban hành, với mục đích được xem là bất hợp pháp với bất kỳ người nào đi lại hoặc làm người khác đi lại xuyên bang hoặc ra nước ngoài, hoặc sử dụng các phương tiện trong nước hoặc nước ngoài, với mục đích tham gia vào các hành vi vi phạm nhất định của tiểu bang hay luật hình sự liên bang, gồm cả hối lộ.

A. Các bị cáo

3. Công ty bị cáo buộc Nexus Technologies, INC ("Nexus Technologies") là một công ty tại Delaware với các văn phòng tại New Jersey và Pennsylvania, và do đó có "sự dính líu tới trong nước" theo ý nghĩa của đạo luật FCPA, điều 15, khoản 78dd-2 (h) (1) (B), Bộ luật Hoa Kỳ, và cũng duy trì một văn phòng tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ("Việt Nam").

Nexus Technologies mua các mặt hàng từ các nhà cung cấp Hoa Kỳ cho các khách hàng tại Việt Nam. Khách hàng của Nexus Technologies ở Việt Nam bao gồm nhiều cơ quan chính phủ Việt Nam, chẳng hạn như việc mua sắm vũ khí của Quân đội Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công nghiệp, Bộ Công an. Nexus Technologies mua và sau đó xuất khẩu nhiều loại thiết bị và công nghệ cho khách hàng ở Việt Nam, bao gồm, nhưng không giới hạn, các thiết bị lập bản đồ dưới nước, thiết bị tháo gỡ bom, phụ tùng máy bay trực thăng, máy phát hiện hóa chất, các bộ phận vệ tinh viễn thông, và các hệ thống kiểm soát không lưu.

4. Bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM là một công dân Hoa Kỳ và vì thế có sự "dính líu tới trong nước" theo ý nghĩa của đạo luật FCPA, điều 15 khoản 78dd-2 (h) (1) (A), Bộ luật Hoa Kỳ. Bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM là người sáng lập và là Chủ tịch của NEXUS TECHNOLOGIES. Ông ta cư trú tại Việt Nam và chịu trách nhiệm kinh doanh phía Việt Nam cho công ty, chịu trách nhiệm chủ yếu trong việc kiểm công việc làm ăn và đàm phán hợp đồng với các khách hàng tiềm năng tại Việt Nam.

5. Bị cáo NGUYỄN KIM ANH là một công dân của Hoa Kỳ và vì thế có sự "dính líu tới trong nước" theo ý nghĩa của đạo luật FCPA, điều 15 khoản 78dd-2 (h) (1) (A), Bộ luật Hoa Kỳ. Bị cáo NGUYỄN KIM ANH làm việc tại Nexus Technologies ở Hoa Kỳ, và do đó cũng là nhân viên được quan tâm trong nước. Nhiệm vụ của cô bao gồm nhận diện và đàm phán với các nhà cung cấp tiềm năng ở Hoa Kỳ, và xử lý tài chính cho công ty Nexus Technologies, bao gồm cả việc chuyển tiền.

6. Bị cáo NGUYỄN QUỐC AN, còn có tên "Andrew Nguyễn," hoặc "Ethan Roberts," là công dân Hoa Kỳ và vì thế có sự "dính líu tới trong nước" theo ý nghĩa của đạo luật FCPA, điều 15, khoản 78dd -2 (h) (1) (A), Bộ luật Hoa Kỳ. Bị cáo Nguyễn Quốc An làm việc ở Nexus Technologies tại Hoa Kỳ, và do đó cũng là nhân viên được quan tâm trong nước. Nhiệm vụ của ông ta bao gồm xác định và đàm phán với các nhà cung cấp tiềm năng ở Hoa Kỳ, và thu xếp việc chuyển hàng hóa từ nhà cung cấp tới hãng vận chuyển và khách hàng.

B. Các cá nhân và tổ chức khác

7. **Công ty bay Dịch vụ Miền Nam ("SSFC")**, một khách hàng của Nexus Technologies, là một hãng hàng không được sở hữu và điều hành bởi Quân đội Nhân dân Việt Nam, có trụ sở tại Sân bay Vũng Tàu ("VTA") ở Việt Nam, trong đó có các hoạt động liên quan tới việc quản lý hàng không dân dụng và hàng không quân sự của Chính phủ Việt Nam tại VTA. VTA là đại diện và là một cơ quan của Cục Hàng không Việt Nam. **Trung tâm Quản lý bay Miền Nam ("SFMC")**, cũng là một khách hàng của Nexus Technologies, có các hoạt động liên quan đến quản lý hàng không dân dụng của Chính phủ Việt Nam tại VTA và là cơ quan và phương tiện của Cục Hàng không Dân dụng Việt Nam. Như vậy, SSFC, SFMC, và VTA là các cơ quan và phương tiện của Chính phủ Việt Nam theo ý nghĩa của FCPA, điều 15, khoản 78dd-2 (h) (2) (A), Bộ luật Hoa Kỳ.

8. **Công ty liên doanh Vietsov Petro ("VSP")**, một khách hàng của Nexus Technologies, là một liên doanh thuộc sở hữu toàn bộ và kiểm soát của Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga ("Russia"), tham gia vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam. Theo đó, nó là

một cơ quan và phương tiện của Chính phủ Việt Nam và Nga theo ý nghĩa của FCPA, điều 15, khoản 78dd-2 (h) (2) (A), Bộ luật Hoa Kỳ.

9. **Công ty Petro Gas Việt Nam ("PVGC")**, một chi nhánh của PetroVietnam, là một khách hàng của Nexus Technologies, do Chính phủ Việt Nam sở hữu và kiểm soát hoàn toàn và tham gia vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam. Theo đó, PVGC là một cơ quan và phương tiện của Chính phủ Việt Nam theo ý nghĩa của FCPA, điều 15, khoản 78dd-2 (h) (2) (A), Bộ luật Hoa Kỳ.

10. **Công ty TNHH T & T ("T & T")**, một khách hàng của Nexus Technologies, tham gia vào các hoạt động liên quan đến an ninh biên giới và mua sắm vũ khí của Bộ Công an Việt Nam. Theo đó, T & T là một cơ quan và phương tiện của Chính phủ Việt Nam theo ý nghĩa của FCPA, điều 15, khoản 78dd-1 (h) (2) (A), Bộ luật Hoa Kỳ.

11. Đạo luật Chống Tham nhũng Nước ngoài định nghĩa thuật ngữ "viên chức nước ngoài" bao gồm bất kỳ viên chức hoặc nhân viên của một chính phủ nước ngoài hoặc bất kỳ Bộ, cơ quan, ban ngành hoặc bất kỳ người nào hành động với tư cách là viên chức cho hoặc thay mặt cho chính phủ hoặc bất kỳ bộ, cơ quan, ban ngành theo điều 15, khoản 78dd-2 (h) (2) (A), Bộ luật Hoa Kỳ, do đó, bất kỳ nhân viên của VTA, SSFC, SFMC, VSP, PVGC, hay T & T là một "viên chức nước ngoài" theo Đạo luật Chống Tham nhũng Nước ngoài.

12. "Viên chức A," một người Việt, là một nhân viên của T & T và viên chức nước ngoài theo ý nghĩa của FCPA, điều 15, khoản 78dd-2 (h) (2) (A), Bộ luật Hoa Kỳ.

13. Một công ty được đại bồi thẩm đoàn biết đến, tọa lạc tại Hồng Kông, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Việt Nam ("HKC 1"), duy trì một tài khoản ngân hàng ở Hong Kong, là một công ty vỏ bọc được NEXUS TECHNOLOGIES sử dụng để tạo điều kiện thanh toán tiền hối lộ cho quyền lợi của các quan chức chính phủ Việt Nam.

14. "VN 1" một người Việt, được đại bồi thẩm đoàn biết đến, là chủ công ty HKC1 và là cư dân của Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

15. Một công ty được đại bồi thẩm đoàn biết đến, cũng tọa lạc tại Hồng Kông, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ("HKC 2"), duy trì một tài khoản ngân hàng ở Hong Kong, là một công ty vỏ bọc do Nexus Technologies kiểm soát và sử dụng để tạo thuận lợi trong việc thanh toán hối lộ cho và vì lợi ích của các quan chức chính phủ Việt Nam.

16. "VN 2" một người Việt, được đại bồi thẩm đoàn biết đến, là nhân viên của một công ty vỏ bọc do Nexus Technologies kiểm soát, và là cư dân của Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

17. Joseph T. Lukas là một công dân Hoa Kỳ tham gia liên doanh với Nexus Technologies ở Hoa Kỳ cho tới ít nhất là khoảng tháng 10 năm 2005. Nhiệm vụ của ông bao gồm giám sát văn phòng New Jersey của Nexus Technologies, xác định và đàm phán với các nhà cung cấp tiềm năng ở Hoa Kỳ.

18. (Bỏ phần này vì không quan trọng).

19. Một phần của âm mưu là:

a. Bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM giành được các hợp đồng béo bở cho Nexus Technologies từ các công ty và các cơ quan chính phủ Việt Nam bằng cách đồng ý trả tiền hối lộ, thường được mô tả là "tiền hoa hồng", cho các cá nhân làm việc cho các cơ quan và các công ty đó, hối lộ tổng cộng hơn \$200.000 đô la.

b. Bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM, NGUYỄN KIM ANH, và NGUYỄN QUỐC AN và Joseph T. Lukas thiết lập quan hệ với các quan chức chính phủ Việt Nam, các nhân viên của khách hàng, thông thường được mô tả là "những người ủng hộ", những người đổi lấy các khoản hối lộ để hỗ trợ Nexus Technologies có được công việc kinh doanh bằng cách cung cấp thông tin bí mật, đấu thầu lừa đảo, và các hoạt động khác.

c. Bị cáo KIM ANH NGUYỄN và NGUYỄN QUỐC AN và Joseph T. Lukas trả tiền và tạo ra việc trả tiền hối lộ cho các quan chức chính phủ Việt Nam, các nhân viên của khách hàng theo chỉ dẫn của bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM.

d. Bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM, NGUYỄN KIM ANH, và NGUYỄN QUỐC AN và Joseph T. Lukas đã trả tiền và tạo ra để được trả tiền vào HKC 1, giúp thực hiện âm mưu hối lộ.

e. Theo hướng dẫn của bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM, HKC1 lúc đó đã đổ tiền hối lộ vào Việt Nam và chuyển tới các quan chức chính phủ Việt Nam và nhân viên của khách hàng thay mặt cho Nexus Technologies, NGUYỄN QUỐC NAM, NGUYỄN KIM ANH, và NGUYỄN QUỐC AN.

f. Bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM, NGUYỄN KIM ANH, và NGUYỄN QUỐC AN và Joseph T. Lukas nhiều lần đã mô tả sai và che giấu việc chuyển ngân quỹ tới HKC 1 và các khoản thanh toán hối lộ trong sổ sách và hồ sơ của NEXUS TECHNOLOGIES để ngăn chặn phát hiện.

Các hành động công khai

Để thực hiện âm mưu, Nexus Technologies, NGUYỄN QUỐC NAM, NGUYỄN KIM ANH, và NGUYỄN QUỐC AN, và những người khác mà đại bồi thẩm đoàn biết hoặc chưa biết đến, đã thực hiện các hành vi công khai sau đây, trong số những hành vi khác, ở quận Đông của Pennsylvania, và ở nơi khác:

A. Giao dịch hối lộ với các quan chức Công ty bay Dịch vụ miền Nam ("SSFC") và Trung tâm Quản lý bay Miền Nam ("SFMC") tại sân bay Vung Tàu ("VTA")

1. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 24 tháng 10 năm 2001, bị cáo JOSEPH T. LUKAS gửi email cho bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM liên quan tới việc phân tích các chi phí trên một hợp đồng cụ thể với VTA, hỏi có bao nhiêu tiền "hoa hồng" sẽ được trả trên hợp đồng này.

2. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 25 tháng 10 năm 2001, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM gửi email cho bị cáo JOSEPH T. LUKAS nói rằng, một quan chức ở VTA đã “đòi tiền hoa hồng” cho tất cả vụ mua bán.

3. Khoảng tháng 2 năm 2004, công ty NEXUS TECHNOLOGIES thương lượng một hợp đồng có giá trị hơn \$ 14,000 để bán các máy vi tính cho SFMC.

4. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 29 tháng 6 năm 2004, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM gửi email cho bị cáo NGUYỄN KIM ANH và JOSEPH T. LUKAS yêu cầu cho biết khi nào họ trả tiền trên hợp đồng để trả tiền “hoa hồng”.

5. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 11 tháng 8 năm 2004, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM gửi email cho bị cáo NGUYỄN KIM ANH, nói rằng, "SFMC có thể mua lại thiết bị... này từ một đại lý địa phương với giá rẻ hơn giá của chúng ta. Nhưng họ đã đồng ý mua của chúng ta, nếu như chúng ta có thể. . . đồng ý cho họ nâng giá một số tiền lớn trong hợp đồng để bỏ túi riêng".

6. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 13 tháng 8 năm 2004, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM gửi một email khác cho bị cáo NGUYỄN KIM ANH, chỉ đạo cô chuyển “tiền hoa hồng” thanh toán cho HKC 1, và xác nhận rằng HKC giải ngân đúng tên quan chức nước ngoài.

7. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 13 tháng 8 năm 2004, bị cáo NGUYỄN KIM ANH đã gửi một email lại cho NGUYỄN QUỐC NAM, yêu cầu nêu rõ việc tính toán các khoản “tiền hoa hồng” còn nợ một quan chức SFMC là kết quả của hợp đồng bán máy tính.

8. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 13 tháng 8 năm 2004, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM gửi một email lại cho bị cáo NGUYỄN KIM ANH, xác nhận rằng “tiền hoa hồng” nên được chuyển tới HKC1.

9. Trong khoảng tháng 11 năm 2004, Joseph T. Lukas ký hợp đồng với VTA về việc bán thiết bị hệ thống kiểm soát không lưu.

10. Khoảng mùa hè năm 2005, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM gửi email cho bị cáo NGUYỄN KIM ANH liên quan tới hợp đồng với SSFC (cáo trạng cũ là VTA), chỉ thị cho cô chuyển số tiền 10% trị giá hợp đồng đến HKC1, để HKC1 có thể trả “tiền hoa hồng” trên hợp đồng, số tiền khoảng \$18.854 đô la.

11. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 04 tháng 8 năm 2005, bị cáo NGUYỄN KIM ANH đã chuyển số tiền khoảng \$18.854 bằng chuyển khoản quốc tế từ ngân hàng của NEXUS TECHNOLOGIES tại Philadelphia, Pennsylvania vào tài khoản HKC1 ở Hồng Kông.

12. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 26 tháng 4 năm 2006, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM email cho bị cáo NGUYỄN KIM ANH và nói rằng, một quan chức SSFC (cáo trạng cũ là VTA) muốn thanh toán khoản tiền hoa hồng liên quan tới hợp đồng mua bán hệ thống kiểm soát không lưu.

13. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 14 tháng 5 năm 2006, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM gửi email cho bị cáo NGUYỄN KIM ANH, ra lệnh cho cô chuyển tiền vào HKC 1 để thanh toán tiền

nợ quan chức SSFC (cáo trạng cũ là VTA) liên quan tới hợp đồng mua bán hệ thống kiểm soát không lưu.

14. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 23 tháng 5 năm 2006, bị cáo NGUYỄN KIM ANH đã chuyển khoảng \$63.360 đô la bằng chuyển khoản quốc tế từ tài khoản ngân hàng của NEXUS TECHNOLOGIES tại Philadelphia, Pennsylvania, tới HKC 1 tại Hồng Kông, số tiền được sử dụng để trả tiền hồi lộ liên quan tới hợp đồng mua bán hệ thống kiểm soát không lưu.

15. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 05 tháng 6 năm 2006, HKC 1 chuyển khoảng \$63.360 vào một tài khoản ngân hàng có tên của VN 1 tại Việt Nam.

16. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 15 tháng 11 năm 2006, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM email cho bị cáo NGUYỄN KIM ANH viết rằng, "Chúng ta cần [HKC 1] phát hành các hoá đơn cho chúng ta về tất cả các giao dịch chuyển tiền mà chúng ta đã chuyển, để chúng ta ghi đúng các giao dịch trong sổ sách. Đừng lo về ngày tháng và mô tả chi tiết bởi vì tôi đã bịa ra". Danh sách mà các hoá đơn đã được yêu cầu gồm có "VTA ATS thanh toán lần đầu // Date: 16-05-06 / Mô tả: Các dịch vụ Kỹ thuật và Thiết kế Hệ thống Kiểm soát Không lưu // Số tiền: \$ 63.360".

17. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 22 tháng 12 năm 2006, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM email cho bị cáo NGUYỄN KIM ANH, ra lệnh cho cô chuyển \$14.200 đô la vào HKC 1 để "thanh toán tiền hoa hồng lần 2" cho một quan chức của SSFC (cáo trạng cũ ghi VTA).

18. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 22 tháng 12 năm 2006, bị cáo NGUYỄN KIM ANH chuyển khoảng \$14.200 đô la bằng chuyển khoản quốc tế từ tài khoản ngân hàng của NEXUS TECHNOLOGIES tại Philadelphia, Pennsylvania, vào tài khoản HKC 1 ở Hongkong, số tiền này được sử dụng để thanh toán thêm một lần nữa cho một quan chức của SSFC (cáo trạng cũ là VTA) liên quan tới hợp đồng mua bán hệ thống kiểm soát không lưu.

19. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 1 tháng 2 năm 2007, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM email cho VN 1 để xác định lý do tại sao ông ta đã không nhận được tiền thanh toán hoa hồng lần thứ hai tại Việt Nam, nêu rõ: "*Làm ơn hãy hiểu cho vị trí của tôi. Trông tôi thật là tệ khi hứa hẹn khách hàng của mình 10 ngày trước và không thể nói với họ khi nào họ có thể nhận được tiền. Tôi tin rằng mình đã rất kiên nhẫn. Từ bây giờ, ngay khi ông nhận được tiền từ HK, xin làm ơn chuyển cho tôi tại Việt Nam ngay lập tức*".

20. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 01 tháng 2 năm 2007, HKC 1 chuyển khoảng \$14.180 vào một tài khoản ngân hàng với tên của VN 1 ở Việt Nam.

B. Giao dịch hồi lộ với các quan chức thuộc Công ty Petro Gas Việt Nam ("PVGC")

21. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 17 tháng 10 năm 2000, JOSEPH T. LUKAS gửi email cho bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM liên quan tới một đề nghị trả cho một "người ủng hộ" của công ty NEXUS TECHNOLOGIES ở PVGC số "tiền hoa hồng", với tuyên bố, "Tốt. Làm đi. Có thư tín dụng xác nhận chúng ta không thể mất".

22. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 18 tháng 10 năm 2001, JOSEPH T. LUKAS gửi email cho bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM lưu ý rằng NEXUS TECHNOLOGIES đã nhận được một khoản thanh toán từ PVGC thấp hơn dự kiến, và đề nghị rằng khoản chênh lệch đó đã được lấy ra như là tiền “hoa hồng”.

23. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 27 tháng 1 năm 2003, JOSEPH T. LUKAS gửi email cho bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM lưu ý rằng ông ta đã thay đổi “tiền hoa hồng” thành “phí hợp đồng” trong sổ sách và hồ sơ của công ty NEXUS TECHNOLOGIES.

24. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 5 tháng 8 năm 2004, một nhân viên của Nexus Technologies email cho bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM yêu cầu xem lại “cách tính tiền hoa hồng cho PVGC” của anh ta trên một hợp đồng về phụ tùng. “Tiền hoa hồng” cho PVGC được liệt kê là \$9.798,40.

25. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 6 tháng 8 năm 2004, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM chuyển một email ghi ngày 5 tháng 8 cho bị cáo NGUYỄN KIM ANH, bảo cô xem lại email và sau đó chuyển tiền.

26. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 13 tháng 8 năm 2004, liên quan tới hợp đồng cung cấp đồ phụ tùng thay thế cho công ty PVGC, bị cáo NGUYỄN KIM ANH email cho bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM và hỏi liệu các khoản “chi hoa hồng” có cần phải chuyển qua HKC 1 hay không.

27. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 13 tháng 8 năm 2004, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM trả lời bị cáo NGUYỄN KIM ANH bằng một email đánh dấu "KHẨN," chỉ đạo bị cáo NGUYỄN KIM ANH chuyển một tới HKC 1 khoản “chi hoa hồng” là \$9,798.40 đô la cho một quan chức ở PVGC để đổi lấy hợp đồng mua bán đồ phụ tùng với PVGC “HÔM NAY”.

28. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 14 tháng 8 năm 2004, Nexus Technologies đã chuyển khoảng \$ 9.798,47 bằng chuyển khoản quốc tế từ tài khoản ngân hàng Nexus Technologies ở Philadelphia, Pennsylvania, tới tài khoản HKC 1 tại Hong Kong, số tiền được sử dụng thực hiện thanh toán cho một quan chức PVGC cho hợp đồng phụ tùng.

29. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 18 tháng 8 năm 2004, HKC 1 chuyển khoảng \$9.596 vào một tài khoản ngân hàng có tên của VN 1 tại Việt Nam.

30. Vào ngày hoặc khoảng ngày 20 tháng 10 2006, Nexus Technologies chuyển khoảng 21.597 \$ bằng chuyển khoản quốc tế từ tài khoản ngân hàng Nexus Technologies ở Philadelphia, Pennsylvania, vào tài khoản ngân hàng của HKC 1 ở Hong Kong, số tiền được sử dụng để thanh toán cho một quan chức PVGC trong giao dịch “Nhà cung cấp”.

31. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 23 tháng 10 năm 2006, HKC 1 chuyển khoảng \$21.500 vào tài khoản có tên của VN 1 tại Việt Nam.

32. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 15 tháng 11 năm 2006, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM email cho bị cáo NGUYỄN KIM ANH (Đạo Luật Công khai 16), cho thấy cần các hoá đơn từ HKC 1, và nói, "Đừng lo lắng về ngày tháng và mô tả bởi vì tôi bịa ra nó". Danh sách hoá đơn đã

được yêu cầu gồm: "VanLang Carrier // Ngày: 14-09-06 // Mô tả: hợp đồng phụ máy lạnh: dịch vụ tiếp nhận, lắp đặt và hoa hồng // Số tiền: \$21.597".

33. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 11 tháng 5 năm 2007, bị cáo NGUYỄN KIM ANH email cho bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM yêu cầu xác nhận rằng việc “giải quyết” số tiền giao dịch cho “Carrier” là \$ 21.841,21.

34. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 28 tháng 5 năm 2007, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM nhận được một email từ một công ty tại Việt Nam viết rằng số tiền \$22.403 là nợ như tiền hoa hồng về việc bán một hệ thống điều hòa nhiệt độ (máy lạnh) cho PVGC.

35. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 30 tháng 5 năm 2007, bị cáo NGUYỄN KIM ANH email cho bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM số tiền mà cô ta tính trong việc giải quyết nợ trên hợp đồng “Carrier”, ghi rõ là \$ 21.838,21.

36. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 13 tháng 6 Năm 2007, bị cáo NGUYỄN KIM ANH chuyển khoảng \$22.403 qua chuyển khoản quốc tế từ các tài khoản ngân hàng của Nexus Technologies ở Philadelphia, Pennsylvania, vào tài khoản ngân hàng của HKC 1 tại Hong Kong, số tiền được sử dụng để thanh toán cho một quan chức PVGC trong hợp đồng Nhà Cung cấp.

37. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 05 tháng 7 năm 2007, HKC 1 chuyển khoảng \$22.000 vào một tài khoản ngân hàng của VN 2 ở Vietcombank tại TP Hồ Chí Minh.

38. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 09 tháng 7 năm 2007, VN2 email cho NGUYỄN QUỐC NAM, nói rằng đã được nhận được \$21.961,91 từ HKC 1 và do đó thiếu \$441,09.

39. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 10 tháng 7 năm 2007, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM trả lời VN2 rằng \$441,09 là 2% chi phí hoa hồng chuyển khoản trả cho HKC 1.

C. Giao dịch tham nhũng với các quan chức Công ty liên doanh Vietsov Petro (“VSP”)

40. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 11 tháng 12 năm 2000, JOSEPH T. LUKAS email cho bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM, yêu cầu cho biết chính xác một số “tiền hoa hồng” trả cho VSP để ông có thể ghi vào sổ sách của công ty NEXUS TECHNOLOGIES.

41. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 13 tháng 12 năm 2000, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM gửi email cho JOSEPH T. LUKAS, nêu rõ: “Tôi đã cố gắng để kiếm hợp đồng với mấy người thuộc bộ phận kỹ thuật [VPS] hôm nay. Với khoản tiền hoa hồng 15%, chúng ta được BẢO ĐẢM là nhà cung cấp”.

42. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 15 tháng 4 năm 2002, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM gửi email cho JOSEPH T. LUKAS, nêu rõ: "Chúng ta cần phải lo các khoản tiền hoa hồng cho. . . ở VSP. Tôi muốn bảo đảm tất cả mọi người ở đây hài lòng. Điều đó sẽ tốt cho tình hình (tài chính) của chúng ta”.

43. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 02 tháng 5 năm 2003, Joseph T. Lukas đã ký một hợp đồng trị giá hơn \$500.000 đô la với VSP, về việc [VSP] mua một hệ thống nâng thủy lực.

44. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 27 tháng 2 năm 2004, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM gửi một email đến một nhân viên Nexus liên quan đến việc phân tích về "Thỏa thuận Tường lửa GenPac", nói rằng vẫn còn nợ quan chức \$43.340 tiền hoa hồng trong thỏa thuận, và hướng dẫn nhân viên Nexus chuyển số tiền thích hợp vào tài khoản HKC 1 thông qua HKC 2.

45. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 27 tháng 2 năm 2004, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM email cho HKC 1 để nói với họ những khoản tiền đang đến và hướng dẫn họ chuyển tiền.

46. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 27 tháng 2 năm 2004, Nexus Technologies, ở Philadelphia, Pennsylvania, gửi các hướng dẫn chuyển khoản để HKC 2 tại Hồng Kông yêu cầu chuyển \$43.306,42 tới HKC 1 cho "Thỏa thuận Tường lửa GenPac".

47. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 04 tháng 3 năm 2004, HKC 2 chuyển khoảng \$43.306,42 vào tài khoản của HKC 1.

48. Vào ngày hoặc khoảng ngày 04 tháng 3 năm 2004, một nhân viên Nexus email cho bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM, hỏi một hóa đơn từ HKC 1 để giúp việc chuyển tiền.

49. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 10 tháng 3 năm 2004, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM email cho VN 1, yêu cầu họ phải làm xong hóa đơn. VN 1 email lại hỏi cần ghi những gì hóa đơn. Một hóa đơn, ghi lùi ngày là ngày 28 tháng 2 năm 2004 được cung cấp, nêu rõ hoá đơn là "các dịch vụ đào tạo và hoa hồng".

50. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 15 tháng 3 năm 2004, HKC 1 chuyển khoảng \$42.440,29 vào Ngân hàng Thương mại Á Châu tại Việt Nam.

51. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 16 tháng 1 năm 2006, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM gửi email cho nhiều nhân viên của NEXUS TECHNOLOGIES, trong đó có các bị cáo NGUYỄN KIM ANH và NGUYỄN QUỐC AN, liên quan tới một hợp đồng trong tương lai, bán cho VSP một máy bắn làm sạch bề mặt sơn? (wheel shot blast), từ chối thảo luận về khoản tiền "hoa hồng" qua email, đề nghị đưa vấn đề ra thảo luận qua điện thoại internet.

52. Khoảng tháng 3 năm 2006, NEXUS TECHNOLOGIES thương lượng hợp đồng bán máy bắn làm sạch bề mặt sơn cho VSP.

53. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 16 tháng 3 năm 2006, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM gửi email cho bị cáo NGUYỄN KIM ANH, nói rằng ông ta đã "gian lận thỏa thuận" về hợp đồng máy bắn làm sạch bề mặt sơn, sắp xếp cho hai công ty khác chào giá cho VSP cao hơn và NEXUS TECHNOLOGIES thắng hợp đồng.

54. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 26 tháng 10 năm 2006, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM gửi email cho bị cáo NGUYỄN KIM ANH liên quan tới một hợp đồng khác với VSP, nêu rõ "VSP nói rằng chúng ta đã được thanh toán cho hợp đồng này rồi. Vui lòng xác nhận để có thể chi trả tiền hoa hồng".

55. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 17 tháng 9 năm 2007, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM gửi email cho một nhân viên của NEXUS TECHNOLOGIES ở Việt Nam, thảo luận về tiền "hoa hồng" nợ các quan chức thuộc các công ty khác nhau gồm có VSP, và nêu rõ: "Mang tiền tới nhà tôi vào cuối ngày làm việc. PS: Xin lưu ý các khoản chi trả tiền hoa hồng được ghi là thanh toán chi phí lắp đặt trong sổ sách kế toán của ông".

D. Giao dịch hối lộ cho các quan chức Công ty TNHH T & T ("T & T")

56. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 10 tháng 5 năm 2005, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM gửi email cho NGUYỄN KIM ANH, nói rằng T&T là công ty mua vũ khí của "tổ chức (phi thương mại) của chính phủ" và sẽ nhập khẩu thiết bị liên quan đến một hợp đồng thiết bị an toàn.

57. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 23 tháng 5 năm 2005, Nexus Technologies đã chuyển số tiền khoảng \$22.325 bằng chuyển khoản quốc tế từ tài khoản ngân hàng NEXUS TECHNOLOGIES tại Philadelphia, Pennsylvania vào tài khoản HKC 1 ở Hongkong.

58. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 30 tháng 5 năm 2005, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM email cho Quan chức A rằng NEXUS TECHNOLOGIES đã chuyển \$22.325 đô la vào HKC 1, và rằng HKC 1 sẽ chuyển \$21.872 đô la vào tài khoản của quan chức đó sau khi trừ chi phí ngân hàng và phí dịch vụ.

59. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 30 tháng 5 năm 2005, HKC 1 chuyển khoảng \$21.872 đô la vào tài khoản của Quan chức A tại Ngân hàng Thương mại Á châu tại Việt Nam, mô tả việc chuyển tiền như một "món quà" trên hướng dẫn chuyển khoản.

60. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 9 tháng 6 năm 2005, Nexus Technologies đã chuyển khoảng \$29.987 bằng chuyển khoản quốc tế từ tài khoản ngân hàng của Nexus Technologies ở Philadelphia, Pennsylvania, vào tài khoản ngân hàng của HKC 1 tại Hong Kong.

61. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 23 tháng 6 năm 2005, HKC 1 chuyển khoảng \$29.380 vào tài khoản của Quan chức A ở Ngân hàng Thương mại Á châu tại Việt Nam, mô tả việc chuyển tiền như một "món quà" trên hướng dẫn chuyển khoản.

62. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 01 tháng 8 năm 2005, Nexus Technologies chuyển khoảng \$15.653 bằng chuyển khoản quốc tế từ tài khoản ngân hàng của Nexus Technologies ở Philadelphia, Pennsylvania vào tài khoản ngân hàng của HKC 1 tại Hong Kong.

63. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 15 tháng 8 năm 2005, HKC 1 chuyển khoảng \$15.333 vào tài khoản của Quan chức A ở Ngân hàng Thương mại Á châu tại Việt Nam.

64. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 27 tháng 10 năm 2006, bị cáo Nguyễn Quốc An gửi email cho một công ty vận tải hàng hóa liên quan đến lô hàng của Viisage reader cho T & T.

65. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 15 tháng 11 năm 2006, bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM email cho bị cáo NGUYỄN KIM ANH (Đạo Luật Công khai 16), cho biết cần các hoá đơn từ HKC 1, và viết, "Đừng lo lắng về ngày tháng và mô tả bởi vì tôi đã bịa ra chúng". Trong danh

sách các hoá đơn yêu cầu gồm "T & T" (Viisage reader) // Mô tả: Tài liệu lắp đặt hệ thống và dịch vụ hoa hồng // Số tiền: \$7.812,64".

66. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 25 tháng 11 năm 2006, HKC 1 email cho bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM, yêu cầu xác nhận số tiền để chuyển cho Quan chức A là \$7.673,70. Bị cáo NGUYỄN QUỐC NAM trả lời cùng ngày, xác nhận rằng \$ 7.790,56 phải được chuyển cho "T & T."

67. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 25 tháng 11 năm 2006, bị cáo Nexus Technologies chuyển khoảng \$7.790,56 bằng chuyển khoản quốc tế từ tài khoản ngân hàng Nexus Technologies ở Philadelphia, Pennsylvania, vào tài khoản ngân hàng của HKC 1 tại Hong Kong, được sẽ được sử dụng để thanh toán cho Quan chức A cho hợp đồng Viisage reader.

68. Vào ngày hoặc trong khoảng ngày 30 tháng 11 năm 2006, HKC 1 chuyển khoảng \$7,673.70 vào tài khoản ngân hàng của VN 1 ở Hồng Kông.

Tất cả vi phạm điều 18, khoản 371, Bộ luật Hoa Kỳ.

TỘI THỨ HAI TỚI THỨ MƯỜI
(Đạo luật Chống Tham nhũng Nước ngoài)

ĐẠI BỒI THẨM ĐOÀN BUỘC TỘI RẰNG:

(Bỏ đoạn này)

Tội thứ 2. Ngày 23-05-2005, NGUYỄN QUỐC NAM, NGUYỄN KIM ANH, NEXUS TECHNOLOGIES: chuyển khoảng \$22.325 đô la từ tài khoản của NEXUS TECHNOLOGIES ở Ngân hàng Thương mại Philadelphia, Pennsylvania vào tài khoản của HKC 1 ở Hongkong và Ngân hàng Thượng Hải, Hongkong. Người thụ hưởng: quan chức nước ngoài ở công ty T&T.

Tội thứ 3. Ngày 09-06-2005, NGUYỄN QUỐC NAM, NEXUS TECHNOLOGIES. Chuyển khoản \$29.987 từ tài khoản NEXUS TECHNOLOGIES tại Ngân hàng Thương mại ở Philadelphia, PA, vào tài khoản HKC 1 ở Hongkong và Ngân hàng Thượng Hải, Hong Kong. Người thụ hưởng: quan chức nước ngoài tại T&T.

Tội thứ 4. Ngày 01-08-2005, NGUYỄN QUỐC NAM, NEXUS TECHNOLOGIES. Chuyển khoản \$15.653 từ tài khoản NEXUS TECHNOLOGIES tại Ngân hàng Thương mại ở Philadelphia, PA, vào tài khoản HKC 1 ở Hongkong and Ngân hàng Thượng Hải, Hong Kong. Người thụ hưởng: viên chức nước ngoài T&T.

Tội thứ 5. Ngày 04-08-2005, NGUYỄN QUỐC NAM và NGUYỄN KIM ANH, NEXUS TECHNOLOGIES: đã chuyển \$18.854 từ tài khoản công ty NEXUS TECHNOLOGIES tại Ngân hàng Thương mại Philadelphia, Pennsylvania vào tài khoản HKC 1 tại Hongkong và Ngân hàng Thượng Hải, Hongkong. Người thụ hưởng: quan chức nước ngoài ở công ty SSFC.

Tội thứ 6. Ngày 23-05-2006 - NGUYỄN QUỐC NAM và NGUYỄN KIM ANH, NEXUS TECHNOLOGIES: đã chuyển khoảng \$63.360 từ tài khoản công ty NEXUS TECHNOLOGIES

ở Ngân hàng Thương mại Philadelphia, Pennsylvania vào tài khoản của HKC 1 tại Hongkong và Ngân hàng Thượng Hải, Hongkong. Người thụ hưởng: quan chức nước ngoài thuộc công ty SSFC.

Tội thứ 7. Ngày 20-10-2006, NGUYEN QUOC NAM và NGUYEN KIM ANH, NEXUS TECHNOLOGIES. Đã chuyển khoảng \$21.597 từ tài khoản NEXUS TECHNOLOGIES tại Ngân hàng Thương mại ở Philadelphia, PA, vào tài khoản HKC 1 ở Hongkong and Ngân hàng Thượng Hải, Hong Kong. Người thụ hưởng: quan chức nước ngoài at PVGC.

Tội thứ 8. Ngày 25-11-2006, NGUYỄN QUỐC NAM, NGUYỄN KIM ANH, NGUYỄN QUỐC AN: NEXUS TECHNOLOGIES. Đã chuyển \$7.790,56 từ tài khoản NEXUS TECHNOLOGIES tại Ngân hàng Thương mại ở Philadelphia, PA, vào tài khoản HKC 1 tại Hongkong and Ngân hàng Thượng Hải, Hong Kong. Người thụ hưởng: quan chức nước ngoài tại at T&T.

Tội thứ 9. Ngày 22-12-2006 - NGUYỄN QUỐC NAM và NGUYỄN KIM ANH, NEXUS TECHNOLOGIES: đã chuyển \$14.200 từ tài khoản công ty NEXUS TECHNOLOGIES ở Ngân hàng Thương mại Philadelphia, Pennsylvania vào tài khoản của HKC 1 tại Hongkong và Ngân hàng Thượng Hải, Hongkong. Người thụ hưởng: quan chức nước ngoài tại công ty SSFC (cáo trạng cũ là VTA).

Tội thứ 10. Ngày 13-06-2007, NGUYỄN QUỐC NAM và NGUYỄN KIM ANH, NEXUS TECHNOLOGIES. Đã chuyển khoảng \$22.403 từ tài khoản của NEXUS TECHNOLOGIES tại Ngân hàng Thương mại ở Philadelphia, PA, vào tài khoản HKC 1 ở Hongkong and Ngân hàng Thượng Hải, Hong Kong. Người thụ hưởng: quan chức nước ngoài tại PVGC.

TỘI THỨ MƯỜI MỘT TỚI TỘI THỨ MƯỜI CHÍN (Đạo luật Đi lại)

ĐẠI BỒI THẨM ĐOÀN BUỘC TỘI RẰNG:

Tội thứ 11. Ngày 23-05-2005, NGUYỄN QUỐC NAM, NGUYỄN KIM ANH, NEXUS TECHNOLOGIES. Chuyển khoản quốc tế từ Philadelphia, PA, tới Hong Kong.

(Các tội từ 12-19 đều tương tự, lấy từ tội thứ 3-10)

TỘI THỨ HAI MƯƠI ĐẾN HAI MƯƠI TÁM (Rửa tiền)

ĐẠI BỒI THẨM ĐOÀN BUỘC TỘI RẰNG:

Tội thứ 20. Ngày 23-05-2005, NGUYỄN QUỐC NAM, NGUYỄN KIM ANH, NEXUS TECHNOLOGIES. Chuyển số tiền khoảng \$22.325 từ tài khoản của NEXUS TECHNOLOGIES tại Ngân hàng Thương mại ở Philadelphia, PA, vào tài khoản HKC 1 ở Hongkong and Ngân hàng Thượng Hải, Hong Kong.

(Tội thứ 21-28 liên quan đến tội từ 3-10)

MICHAEL LEVY
Luật sư Hoa Kỳ

STEVEN A. TYRRELL

Chief, Fraud Section
Bộ phận Hình sự, Hoa Kỳ
Sở Tư pháp

Ngọc Thu dịch

<http://www.justice.gov/criminal/fraud/fcpa/cases/docs/nguyen-supersed-indict.pdf>